

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trọng.

2. Bà Lê Thị Minh Thắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Như Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thảo Trang – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 về "xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết S, sinh năm 1989 (xin vắng);

Địa chỉ: B N, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Tạm trú: Ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Đỗ Trung H, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: B N, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S trình bày:*

Chị và anh Đỗ Trung H quen biết tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 04/12/2017.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02/2018 khi chị S có bầu và sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Ngày 19/4/2023 vợ chồng chính thức ly thân cho đến ngày 30/9/2023, đỉnh điểm không chịu nổi chị S dọn đồ ra ngoài sống khoảng 02 tháng (tháng 8+9/2023) sau đó anh H có năn nỉ và hứa sẽ sửa đổi nên chị về nhà lại nhưng rốt cuộc anh H vẫn không thay

đôi. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân ngày càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị Trần Thị Tuyết S yêu cầu tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết S yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Trung H

Về con chung: Tại đơn khởi kiện chị S trình bày, trong thời kỳ chung sống anh chị có 01 con chung tên Đỗ P, sinh ngày 24/10/2018. Khi ly hôn chị S yêu cầu được nuôi con chung, anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 04/4/2025, chị S thay đổi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung – nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Đỗ Trung H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Tuyết S và anh Đỗ Trung H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 151, ngày 04/12/2017. Ngày 28/3/2025, chị S nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh H, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đỗ Trung H cư trú tại B N, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Trung H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết S và anh Đỗ Trung H được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151, ngày 04/12/2017 nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị S trình bày, chị và anh Đỗ Trung H quen biết tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 04/12/2017. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02/2018 khi chị S có bầu và sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ngày 19/4/2023, vợ chồng chính thức ly thân cho đến ngày 30/9/2023. Đỉnh điểm là khi chị S dọn đồ ra ngoài sống 02 tháng (tháng 8+9/2023) sau đó anh H có năn nỉ và anh hứa sẽ thay đổi nên chị S về lại nhà, nhưng rồi cuộc anh H vẫn không thay đổi. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân ngày càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S yêu cầu được ly hôn với anh H.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh Đỗ Trung H đến để tham dự, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh H không đến dự phiên tòa là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại, chị S trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh H nên đã nộp đơn ly hôn và vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống vợ chồng anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết và tại bản tự khai chị S trình bày trong thời kỳ hôn nhân anh, chị có 01 con chung tên Đỗ P, sinh ngày 24/10/2018. Sau khi ly hôn, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đỗ P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo trình bày của chị S hiện tại cháu P đang sống cùng mẹ, nên để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu và xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu Đỗ P, sinh ngày 24/10/2018 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh Đỗ Trung H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Tuyết S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết S được ly hôn với anh Đỗ Trung H

- Về con chung: Giao con chung tên Đỗ P, sinh ngày 24/10/2018 cho chị S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 5646 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tuyết S và anh Đỗ Trung H có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung A;
- Chi Cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Liên

